

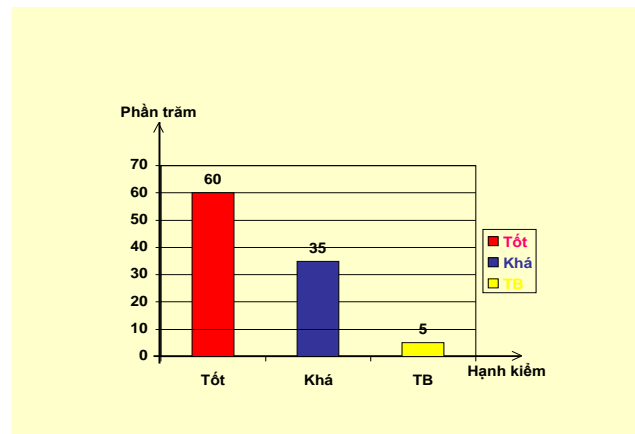
Tuần 35:

Tiết 99:

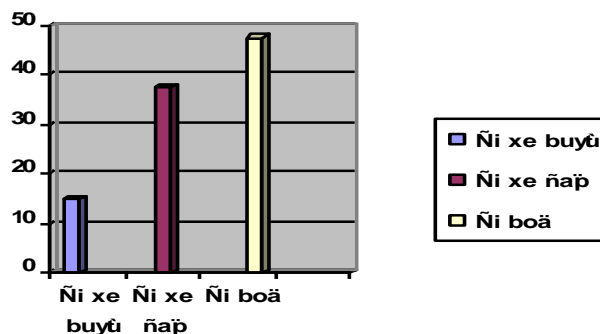
§17. BIỂU ĐỒ PHẦN TRĂM

1. Biểu đồ phần trăm dưới dạng cột.

Hạng kiểm	Tốt	Khá	TB
Phần trăm	60%	35%	5%



? 61-SGK



?1 Số HS lớp 6B đi xe buyút chiếm

$\frac{6}{40} = 15\%$, số HS cả lớp .

– HS đi xe ñajp là : $\frac{15}{40} = 37,5\%$

– HS đi bộ là : $47,5\%$.

2. Biểu đồ phần trăm dưới dạng ô vuông.

Biểu đồ này gồm 100 ô vuông, ứng với 100%, một ô ứng với 1%

3. Biểu đồ phần trăm dưới dạng hình quạt.

Hình tròn được chia thành 100 hình quạt bằng nhau, mỗi hình quạt ứng với 1%.

Bài tập:

- Làm các bài tập: 150, 153/61-SGK

Tuần 35:

Tiết 100:

Luyện tập

Nội dung:

– So sánh một cách trực quan các giá trị phần trăm của cùng một đại lượng người ta thường dùng biểu đồ phần trăm .

– Biểu đồ phần trăm thường được dựng dưới dạng cột, ô vuông, hình quạt .

Ví dụ:

BT 150 (sgk : tr 61).

a) Có 8% bài đạt điểm 10 .

b) Điểm 7 có nhiều nhất chiếm 40% số bài .

c) Tỷ lệ bài đạt điểm 9 là 0% .

d) Tổng số bài kiểm tra là :

$$16 : 32\% = 50 \text{ (bài) .}$$

BT 151 (sgk : tr 61) .

– Xi măng □ 11% .

– Cát □ 22% .

– Sỏi □ 67% .

Vẽ biểu đồ với số ô vuông. thể hiện đúng % tương ứng .

Bài 152/61-SGK

Tổng số các trường phổ thông của nước ta năm học 1998 – 1999 là:

$$13076 + 8583 + 1641 = 23300$$

Trường tiểu học chiếm:

$$\frac{13076}{23300} . 100\% \approx 56\%$$

Trường THCS chiếm:

$$\frac{8583}{23300} . 100\% \approx 37\%$$

Trường THPT chiếm:

$$\frac{1641}{23300} . 100\% \approx 7\%$$

Bài 4: Bài tập thực tế:

Trong tổng kết HKI, lớp ta có 8 HS Giỏi, 16 HS Khá, 2 HS Yếu, còn lại là HS bình. Biết lớp có 40 HS. Dựng biểu đồ ô vuông biểu thị kết quả trên.

Bài tập thực tế:

Số HS Giỏi chiếm: $8/40=20\%$

Số HS Khá chiếm: $16/40=40\%$

Số HS Yếu chiếm: $2/40=5\%$

Số HS TB chiếm:

$$100\% - (20\% + 40\% + 5\%) = 35\%$$

Bài tập: Làm bài 155, 161/64-SGK

Tuần 35:

Tiết 101:

ÔN TẬP CUỐI NĂM

Kiến thức:

- Ôn tập các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa các số tự nhiên, số nguyên, phân số.

- Ôn tập các kỹ năng rút gọn phân số, so sánh phân số.

- Ôn tập các tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên, số nguyên, phân số.

Bài 1: Thực hiện phép tính:

a) $\frac{5}{13} + \frac{-20}{41} + \frac{8}{13} + \frac{-21}{41} + \frac{1}{3}$

b) $\frac{5}{11} \cdot \frac{15}{13} - \frac{2}{13} \cdot \frac{5}{11}$

c) $\left(\frac{3}{4} + \frac{4}{3}\right) : \left(2 - \frac{7}{6}\right)$

Bài 2: Tìm x, biết:

a) $x - \frac{3}{2} = \frac{5}{6}$

b) $\frac{2}{3} \cdot x + \frac{1}{2} = \frac{5}{6}$

c) Viết phân số $\frac{1}{5}$ dưới dạng tổng của 3 phân số có tử là 1 và có mẫu khác

nhau.

Bài 3:

Trên đĩa có 24 quả táo. Hạnh ăn $\frac{1}{4}$ số táo, sau đó Hoàng ăn $\frac{4}{9}$ số táo còn lại. Hỏi trên đĩa có mấy quả táo?

Bài 4:

Trên cùng nằm trên một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Oa. Vẽ hai tia Ob, Oc sao cho: $\widehat{aOb} = 50^\circ$, $\widehat{aOc} = 120^\circ$.

a) Tính \widehat{bOc} .

b) Tia Ob có là phân giác của \widehat{aOc} không? Vì sao?

.....Hết.....

Tuần 35:

Tiết 102:

ÔN TẬP CUỐI NĂM

Kiến thức:

- Ôn lại các kiến thức đã được học về phân số
- Rèn luyện các kỹ năng thực hiện phép tính, tính nhanh, tính hợp lý và các bài tập về tia phân giác để HS chuẩn bị thi HKII qua đề cương ôn thi HKII.
- Rèn luyện khả năng so sánh, tổng hợp cho HS.

Bài 1: Tính giá trị của biểu thức:

a) $\frac{-2}{3} + \frac{1}{5} \cdot \frac{10}{7}$

b) $\frac{-8}{13} + \frac{7}{25} + \frac{-5}{11} + \frac{5}{-13} + \frac{18}{25}$

c) $\frac{-4}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-4}{7} \cdot \frac{9}{11} + 1\frac{4}{7}$

Bài 2: Tìm x, biết:

a) $\frac{1}{4} \cdot x + \frac{2}{5} = \frac{3}{10}$

b) $|2x - 1| = 3$

c) Viết phân số $\frac{-21}{30}$ dưới dạng tổng của ba phân số có tử bằng (-1) và mẫu

khác nhau.

Bài 3:

Một lớp học có 45 học sinh gồm có 3 loại: Giỏi, khá và trung bình. Số học sinh trung bình chiếm $\frac{7}{15}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh giỏi bằng $\frac{5}{8}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh của mỗi loại.

Bài 4:

Cho hai tia Ox, Oz cùng nằm trên một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Oy. Biết $\angle xOy = 30^\circ$, $\angle yOz = 105^\circ$.

a) Tính $\angle xOz$.

b) Gọi Om là tia phân giác của $\angle xOy$. Tính $\angle zOm$.

c) Vẽ tia Ot là tia đối của tia Oy. Tính $\angle tOm$.

.....Hết.....

